

Số: 48 /2026/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Quyết định này không áp dụng trong việc rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan khác được giao nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

2. Việc phối hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật phải được thực hiện kịp thời, chủ động, khách quan, bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

3. Việc phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật; đề cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương và năng lực thực thi nhiệm vụ của công chức tham gia phối hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 4. Nội dung, hình thức phối hợp

1. Nội dung phối hợp

a) Rà soát thường xuyên văn bản quy phạm pháp luật; rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực; xử lý kiến nghị rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

b) Tham mưu công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực định kỳ hằng năm.

c) Thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật định kỳ.

2. Hình thức phối hợp

a) Bảng văn bản;

b) Tổ chức họp, hội nghị;

c) Các hình thức phù hợp khác.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ ĐẦU MỐI CHỦ TRÌ, CƠ CHẾ PHÂN CÔNG PHỐI HỢP, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 5. Đầu mối chủ trì rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Rà soát thường xuyên văn bản quy phạm pháp luật

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện việc rà soát thường xuyên văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan mình;

b) Các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát thường xuyên các văn bản do mình đã chủ trì soạn thảo.

2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh làm đầu mối chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan lập, tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan mình.

3. Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

a) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan mình và gửi kết quả về Sở Tư pháp để tổng hợp;

b) Sở Tư pháp chủ trì giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và làm đầu mối tổ chức thực hiện kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (định kỳ 05 năm một lần); làm đầu mối tổng hợp, kiểm tra lại kết quả hệ thống hoá văn bản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công bố theo quy định.

Điều 6. Phối hợp thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1. Các cơ quan có trách nhiệm rà soát văn bản tại khoản 1 Điều 5 Quyết định này tổ chức thực hiện rà soát các văn bản ngay khi có căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi,

bổ sung bởi khoản 11 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung rà soát văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp qua rà soát phát hiện văn bản có quy định trái, mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản là căn cứ rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, cơ quan rà soát lấy ý kiến Sở Tư pháp, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với trường hợp rà soát, hệ thống hóa nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh), các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả rà soát văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Trường hợp văn bản được rà soát có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Thủ trưởng cơ quan chủ trì rà soát xem xét, tổ chức họp hoặc bằng các hình thức phù hợp khác lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để hoàn thiện kết quả rà soát văn bản.

3. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về kết quả rà soát, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời bằng văn bản. Trường hợp văn bản có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực thì thời gian trả lời kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

Văn bản trả lời phải nêu rõ nội dung nhất trí, nội dung không nhất trí và lý do hoặc ý kiến khác đối với kết quả rà soát.

4. Trên cơ sở kết quả rà soát văn bản của cơ quan mình và ý kiến phối hợp của các cơ quan, đơn vị, cơ quan chủ trì rà soát nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xử lý kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Báo cáo kết quả rà soát đồng thời được gửi cho Sở Tư pháp, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan để theo dõi.

Điều 7. Phối hợp rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn trình báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn đến Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, gửi kết quả rà soát cho Sở Tư pháp, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh để theo dõi.

3. Việc lập kế hoạch, báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46, Điều 47 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Xử lý kiến nghị rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, công dân

1. Các cơ quan có trách nhiệm rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 5 Quyết định này có trách nhiệm xem xét, xử lý kiến nghị rà soát văn bản của cơ quan, tổ chức, công dân. Trường hợp kiến nghị liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình và có căn cứ để rà soát thì cơ quan nhận được kiến nghị phải thực hiện việc rà soát văn bản theo quy định và thông báo kết quả đến cơ quan, tổ chức, công dân đã gửi kiến nghị.

2. Nếu kiến nghị rà soát văn bản quy phạm pháp luật không thuộc trách nhiệm của cơ quan mình, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị phải chuyển kiến nghị đến cơ quan có trách nhiệm rà soát văn bản, đồng thời thông báo cho cơ quan, tổ chức, công dân đã kiến nghị rà soát văn bản.

Điều 9. Phối hợp tham mưu công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần

1. Chậm nhất ngày 05 tháng 01 hằng năm, Thủ trưởng cơ quan rà soát có trách nhiệm gửi danh mục các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 14 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP về Sở Tư pháp để tổng hợp.

2. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản do Hội đồng nhân

dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc trách nhiệm rà soát của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Phối hợp xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo định kỳ

1. Định kỳ 05 năm theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nội dung chính của kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Căn cứ vào kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo định kỳ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Sở Tư pháp làm đầu mối tổ chức triển khai thực hiện.

3. Các cơ quan, đơn vị tại điểm a khoản 3 Điều 5 Quyết định này thực hiện hệ thống hóa các văn bản thuộc trách nhiệm của cơ quan mình theo trình tự quy định tại Điều 51 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tư pháp để tổng hợp.

4. Sở Tư pháp kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa của các cơ quan, đơn vị và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Sở Tư pháp tổng hợp dự thảo báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 53 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Điều kiện đảm bảo cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

a) Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Trên cơ sở dự toán hằng năm do các sở, ban, ngành xây dựng, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định của pháp luật.

2. Về tổ chức, biên chế thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

Thủ trưởng các cơ quan có trách nhiệm bố trí biên chế phù hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 2 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Trách nhiệm thực hiện báo cáo hằng năm

a) Hằng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác rà soát văn bản thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan, địa phương mình gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp.

b) Sở Tư pháp tổng hợp kết quả về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản trên địa bàn tỉnh từ các sở, ban, ngành và các địa phương để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

2. Thời hạn gửi báo cáo và thời điểm lấy số liệu báo cáo hằng năm về công tác rà soát được thực hiện theo quy định của Bộ Tư pháp và theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

3. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

4. Trong trường hợp có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, các đơn vị thực hiện việc báo cáo đột xuất theo hướng dẫn của Sở Tư pháp.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2026.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc thực hiện Quyết định này. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm quy định cụ thể về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo nhiệm vụ được giao tại điểm a khoản 3 Điều 59 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, HCQT, NC(Hữu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Minh